

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **190/2018/DS-PT**
Ngày: 29-10-2018
V/v tranh chấp: “Quyền sử
dụng đất và đòi bồi thường
thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Minh Hải
Các Thẩm phán : Bà Thái Thị Huyền Trân
: Bà Quách Tố Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 130/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn D sinh năm 1946
Ông Đỗ Văn C , sinh năm 1962

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn G , sinh năm 1968
Bà Nguyễn Thị S h, sinh năm 1957

Cùng nơi cư trú: , xã P , h A , tỉnh A .

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1/. Ông Trần Văn C , sinh năm 1928, cư trú: xã P , huyện A , tỉnh A
- 2/. Ông Trần Văn A , sinh năm 1960, cư trú: xã P huyện A , tỉnh A
- 3/. Ông Trần Văn D , sinh năm 1955
- 4/. Ông Trần Văn Đ , sinh năm 1970

- 5/. Ông Trần Văn P , sinh năm 1965
 6/. Bà Trần Thị P , sinh năm 1972
 7/. Ông Trần Văn Á, sinh năm 1976
 8/. Ông Trần Văn Nhã, sinh năm 1980
 Cùng địa chỉ cư trú: xã P huyện A , tỉnh A
 9/. Bà Trần Thị D , sinh năm 1982
 10/. Ông Nguyễn Văn L , sinh năm 1935
 11/. Ông Nguyễn Văn M , sinh năm 1965
 Cùng địa chỉ cư trú: xã L , huyện T , tỉnh A .
 12/. Bà Trần Thị N , sinh năm 1944
 13/. Bà Đỗ Thị Đ , sinh năm 1972
 Cùng địa chỉ cư trú: xã P , huyện A , tỉnh A .
 14/. Bà Đỗ Thị S , sinh năm 1951,
 Cư trú: xã P , huyện A , tỉnh A.
 15/. Bà Nguyễn Thị S , sinh năm 1960
 16/. Ông Đỗ Văn C , sinh năm 1975
 17/. Ông Đỗ Văn B , sinh năm 1978
 18/. Ông Đỗ Văn H , sinh năm 1980
 19/. Ông Đỗ Văn T , sinh năm 1989
 Cùng địa chỉ cư trú: xã P , huyện A , tỉnh A .
 20/. Bà Đỗ Thị L , sinh năm 1985
 21/. Bà Đỗ Thị Thùy D , sinh năm 1992
 22/. Bà Đỗ Thị N , sinh năm 1964
 23/. Bà Đỗ Thị S , sinh năm 1966, cư trú: xã T , huyện H , tỉnh Đ .
(Ông D có mặt tại Tòa, các đương sự còn lại đều vắng mặt)
 Người kháng cáo: Ông Đỗ Văn D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn ông Đỗ Văn D và ông Đỗ Văn C cùng trình bày: Cha của hai ông là ông Đỗ Văn N (chết năm 2009) và bà Huỳnh Thị L (chết năm 1980). Trước khi chết vào năm 2001 cha có đứng tên quyền sử dụng đất (QSDĐ) theo giấy số 02061 ngày 10/10/2001 với diện tích là 2005,20m², đất này nguồn gốc là do cha mẹ hai ông nhận chuyển nhượng từ bà nội của ông Huỳnh Văn G vào năm 1961(có giấy tờ mua bán kèm theo). Khi cha mẹ chết mà không để lại di chúc, phần đất này các anh em hai ông gồm ông và ông Đỗ Văn C chia ra mỗi người một phần, phần của ông được chiều ngang 07m dài từ mé sông chạy vô tới đường thét, còn cụ thể bao nhiêu ông không xác định được. Cách đây khoảng 6-7 năm còn vào thời gian nào cụ thể thì không nhớ, do đất của ông G giáp ranh với đất hai của ông, khi không có hai ông ở nhà tên G đã tự ý lấn chiếm đất của hai ông với phần diện tích được xác định đầu trong ngang 0,3m dài khoảng 20m, ngoài sông chiều dài khoảng 20m ngang

0,5m. Ngoài ra tên G còn cưa 02 cây gáo do ông D trồng. Nay hai ông yêu cầu tên G phải trả lại phần đất đã lấn chiếm, đồng thời phải bồi thường thiệt 02 cây gáo với số tiền là 5.000.000đ.

Tuy nhiên tại biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự ngày 11/4/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông D lại yêu cầu ông G, bà S phải trả cho ông phần đất đã lấn chiếm từ lộ ra tới bờ sông còn với diện tích cụ thể bao nhiêu thì ông không xác định được, chỉ yêu cầu trả đủ đất cho ông chiều ngang 21,4m chiều dài tới đất ruộng, đồng thời bồi thường cho ông 02 cây gáo với số tiền 5.000.000đ.

Tại biên bản làm việc ngày 11/4/2018 ông D có ý kiến là không yêu cầu đo đạc, thẩm định lại phần đất đang tranh chấp mà sử dụng kết quả đo đạc trước đây để xét xử.

Tại thông báo số 487/TB ngày 11/4/2018 Tòa án đã yêu cầu ông D cung cấp chứng cứ về việc 02 cây gáo mà ông yêu cầu ông G phải bồi thường là do ông trồng nhưng ông vẫn không thực hiện.

Bị đơn ông Huỳnh Văn G trình bày: Hiện nay ông đang cất nhà ở trên phần đất do cha mẹ để lại, đất chưa được cấp GCNQSDĐ, nhà ông cất ngang chỉ 05m dài 08m, còn phần đất từ mí lộ trở vô đồng là của em ruột ông Huỳnh Văn M đã được cấp GCNQSDĐ, căn nhà này ông cất từ năm 2007 và ở ổn định từ đó đến nay và khi cất cũng không ai có ý kiến và tranh chấp với ông. Đối với 02 cây gáo là do ông trồng, ông đã chặt 01 cây vì tàn cây che qua mái nhà, còn rễ cây thì xuyên qua phần nền đất, do sợ bị ảnh hưởng đến sự an toàn của căn nhà nên ông chặt và cho tổ chức từ thiện, chứ ông cũng không sử dụng, còn 01 cây thì vẫn còn nguyên. Ông xác định hoàn toàn không có việc lấn chiếm đất của ông D và cũng không chặt cây do ông D trồng nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D.

Bà Huỳnh Thị S có cùng ý kiến và yêu cầu như chồng là ông Huỳnh Văn Gùng và không trình bày gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D và ông Đỗ Văn C về việc ông Huỳnh Văn G và bà Nguyễn Thị S phải trả cho hai ông phần đất đầu trong ngang 0,3m dài khoảng 20m, ngoài sông chiều dài khoảng 20m ngang 0,5m và bồi thường thiệt hại cho hai ông với số tiền là 5.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về các chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, ông Đỗ Văn D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Đỗ Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Đỗ Văn D là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Ông D kháng cáo nhưng ngoài lời trình bày ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm khi xét xử đã căn cứ vào Pháp lệnh 10 để tính án phí là không phù hợp. Ngoài ra, không chấp nhận 02 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng lại tính án phí chỉ trên một yêu cầu với số tiền 300.000 đồng là không chính xác. Nhưng ông D có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp pháp luật quy định được miễn. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A về án phí, các nội dung còn lại của bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Đỗ Văn D là nguyên đơn trong vụ án, kháng cáo và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung vụ án: Ông D và ông C cùng khởi kiện yêu cầu ông G, bà S trả lại phần đất lấn chiếm và bồi thường 02 cây gáo do ông trồng mà phía bị đơn đã tự ý chặt. Thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông D, ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02061 QSDĐ/eL do UBND huyện An Phú cấp ngày 18/10/2001 cho ông Đỗ Văn N với diện tích 2005,20m² thuộc tờ bản đồ số 15 thửa số 9 và 10. Căn cứ vào bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 17/02/20016 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A thể hiện thì phần đất nguyên đơn đang tranh chấp và yêu cầu phía bị đơn trả lại không nằm trong phần đất ông N (cha ông D, ông C) được cấp giấy mà nguyên đơn được quyền yêu cầu khởi kiện. Do đó, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các nội dung cụ thể để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D và ông Đỗ Văn C về việc ông Huỳnh Văn G và bà Nguyễn Thị S phải trả cho hai ông phần đất đầu trong ngang 0,3m dài khoảng 20m, ngoài sông chiều dài khoảng 20m ngang 0,5m và bồi thường thiệt hại cho hai ông với số tiền là 5.000.000đ là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Tuy nhiên, vụ án này cấp sơ thẩm thụ lý ngày 07/11/2017 nhưng bản án lại áp dụng Pháp lệnh án phí tòa án năm 2009 để làm căn cứ tính án phí dân sự sơ thẩm là không chính xác. Ngoài ra, cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận hai yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D và ông C là tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường

thiệt hại nhưng chỉ tính án phí cho một yêu cầu là không đúng theo Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Ông D kháng cáo nhưng ngoài lời trình bày cho rằng bị đơn lấn chiếm đất của cha mẹ ông thì tại phiên tòa ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Nhưng ông có đơn xin miễn nộp án phí do hoàn cảnh khó khăn và ông cũng thuộc trường hợp người cao tuổi, căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326, yêu cầu miễn án phí của ông là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không có cơ sở để xem xét khác đối với yêu cầu kháng cáo. Sửa bản án sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A về án phí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Do sửa án và ông D thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn yêu cầu nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Ông C phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận. Ông được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp chung với ông D, không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn D ;

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh A về án phí, cụ thể:

Ông C phải chịu 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ 600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002610 ngày 07/11/2017. (Đã nộp xong)

Ông Đỗ Văn D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Các phần quyết định còn lại của bản án dân sự sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh A có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)

- VKSND tỉnh A (1)
- TAND huyện A (1)
- THA huyện A (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh A (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh A (1)
- Đường sự “Để thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

Trần Minh Hải